



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

Nguyễn Đức

Last

Middle

First

Current Address:

55/5A Phan Tây Hồ - Phường Hòa Bình - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Date of Birth:

August-25-1947

Place of Birth:

Quảng Ngãi

Previous Occupation (before 1975)
(Rank & Position)

Captain

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From

3-4-1975

To

29-1-1981

Years: 6

Months: _____

Days: _____

3. SPONSOR'S NAME:

Name

Houston TX 77034

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEML.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN ĐỀ
Last Middle First

Current Address: 55/5^A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, QUẬN PHÚ NHUẬN, HCM city.

Date of Birth: AUGUST 25, 1947 Place of Birth: QUẢNG NGÃI

Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN, S3-TOC CHIEF
(Rank & Position)

1. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From APRIL 3, 1975 To JAN. 29, 1981
AND FORCED RESIDENCE 12 MONTHS. Years: 5 Months: 10 Days: 26

2. SPONSOR'S NAME: CHIM VAN LE
Name
HOUSTON TX: 77091 - (713) 484-7758
Address and Telephone Number

3. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: JULY 20 - 1989

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN ĐÊ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
LÊ THỊ NGỌC HÃ	Feb 08, 1947	WIFE
NGUYỄN LÊ NAM PHUÔNG	July 17, 1973	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ QUỐC ĐẠT	August 10, 1974	SON
NGUYỄN LÊ TRỌNG NGHĨA	JAN. 10, 1976	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ PHUÔNG THẢO	NOV. 10, 1981	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ QUỐC THỊNH	SEPT. 28, 1982	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : - From October 1965 To August 1968: NGUYỄN ĐÊ served for US Government as Manager of the Social welfare and Refugee Section of USAID/CORDS/ICTZ/ QUẢNG NGÃI - US supervisors : James A. Robert W. Resdignie ; Mr William ; Mr Hobson.

- August 11th, 1968: He had to join into ARVN and became an officer until 1975. Military serial number : 67/207554. Last position, Rank, Unit: Captain, S3-T, chief of the 4th Infantry Regiment 2nd Division in Quảng Ngãi. Col. LÊ BA XHIẾU and TRUỖI DŨNG LIÊM were the 4th regiment commanders - Released from camp: A30 PHU HON JAN 20, 1981.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHUC MINH THO
NGUYEN THI HANH
NGUYEN QUYNH GIAO
NGUYEN VAN GIOI
NGUYEN XUAN LAN
HIEP LOWMAN
TRAN KIM DUNG
TRAN THI PHUONG

Ban Chấp Hành T.Ư. Executive Board

KHUC MINH THO
President
NGUYEN QUYNH GIAO
1st Vice-President
TRAN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYEN VAN GIOI
Secretary General
TRAN THI PHUONG
Deputy Secretary
NGUYEN THI HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIEP LOWMAN
NGUYEN XUAN LAN

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----00000000-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tù do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách, tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: CHIM VAN LE

Địa chỉ: HOUSTON TX 77091

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYEN DE

Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Mẹ, Võ, Anh, Chi, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: \$12.00 (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: \$8.00 (tùy ý)

Thủ tủy, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE:



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHUC MINH THO
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.Ư. Executive Board

KHUC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Mẫu Đơn Xin Gia-Nhập

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tụy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: CHIM VAN LE
Địa chỉ: HOUSTON TX 77091

Điện thoại: (Số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYEN DE
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niên liêm: \$12.00 (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: \$8.00 (tùy ý)

Thủ từ, ngân phiếu xin gửi về.

CHIM VAN LE 111/87
PH.

HOUSTON, TEXAS 77034

7-19 1987

Pay to the Order of HỘI TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VN \$ 20.00

Twenty and 00/100 Dollars

HOME SAVINGS

Your partners in money management.

HOUSTON, TEXAS 77001

Offices in Houston, San Antonio, and Dallas

For

Le Van Eleeeee

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN ĐỀ
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : AUGUST 25 1947
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 55/5^A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, QUẬN
 (Dia chi tai Viet-Nam) PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH CITY
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 AND FORCED RESIDENCE 12 MONTHS. If Yes (Neu co): From (Tu): APRIL 3, 1975 To (Den): JAN. 29, 1981
 PLACE OF RE-EDUCATION: 4th BÌNH ĐỊNH, 4th GENERAL CAMPS, 5th GENERAL CAMPS, A30 ĐUỐC KHÁM
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): SMALL MERCHANT (CIGARETTES and CANDIES) ON THE FOOT-PAVEMENT
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NONE
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): NONE
 Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): _____
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 55/5^A PHAN TÂY HỒ
PHƯỜNG 7, QUẬN PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH CITY
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
CHIM VAN UÊ HOUSTON TX 77091
BROTHER IN LAW
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai-VN): BROTHER IN LAW
 NAME & SIGNATURE: CHIM VAN UÊ le Van Chuuu
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) CHIM VAN UÊ
HOUSTON TX 77091
 DATE: JULY 20 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN ĐỀ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LÊ THỊ NGỌC HẠ	FEB. 08, 1947	WIFE
NGUYỄN LÊ NAM PHƯƠNG	JULY 17, 1973	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ QUỐC ĐẠT	AUGUST 10, 1974	SON
NGUYỄN LÊ TRONG NGHĨA	JAN. 10, 1976	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	NOV. 10, 1981	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ QUỐC THỊNH	SEPT. 28, 1982	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

- ADDITIONAL INFORMATION : - From October 1965 To August 1968: NGUYỄN ĐỀ served for US Government as Manager of the Social Welfare and Refug. Section of USAID/CORDS/ICTZ/QUẢNG NGÃI.
- US Supervisors : James A. May, Robert W. Rennie, Mr. William, Mr. Hol.
- August 11th, 1968: He had to join into ARVN and became an officer until 1975. Military serial number: 67/207554.
- Last position, Rank, Unit : Captain, S3-TOC chief of the 4th Infantry Regiment 2nd Division in Quảng Ngãi. Col. LÊ BA' KHIEU and TRẦN ĐĂNG LIÊM were the 4th Regiment Commanders.
- Released from camp : A30 PHÚ KHANH camp on JAN. 29, 1981.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CÂN-QUỐC

55

Họ Tên

NGUYỄN-Đ



Ngày, nơi sinh 25-8-1917

Huân-Lông, Phước-Pho, Quảng-ngãi

Cha Nguyễn-Vinh(c)

M Nguyễn-thị-Hiệp

Địa chỉ Cẩm-thành, Quảng-ngãi

Đầu và mắt

chăm sóc cách 3 dưới

và sau khoe ngoài mắt phải.

60

118

Chữ ký Công an

[Handwritten signature]

Quảng-ngãi, ngày 16-12-1970

TUN. TRƯỞNG-TY CẢNH-SAT. Q. GIA

PHÓ TRƯỞNG-TY

[Handwritten signature]

ĐOÀN-DUY-HÌNH

Người thu mẫu
Ngày thu mẫu



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VNML.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN ĐỀ
Last Middle First

Current Address: 55/5A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, QUẬN PHÚ NHUẬN, HCM CITY.

Date of Birth: AUGUST 25, 1947 Place of Birth: QUẢNG NGÃI

Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN, S3-TOC CHIEF.
(Rank & Position)

1. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From APRIL 3, 1975 To JAN. 29, 1981.
AND FORCED RESIDENCE 12 MONTHS. Years: 5 Months: 10 Days: 26

2. SPONSOR'S NAME: CHIM VAN UÊ
Name
HOUSTON TX: 77091
Address and Telephone Number

3. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on IBS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: JULY 20 - 1989

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN ĐỀ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
LÊ THỊ NGỌC HẠ	FEB 08, 1947	WIFE
NGUYỄN LÊ NAM PHƯƠNG	JULY 17, 1973	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ QUỐC ĐẠT	August 10, 1974	SON
NGUYỄN LÊ TRỌNG NGHĨA	JAN. 10, 1976	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	NOV. 10, 1981	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ QUỐC THỊNH	SEPT. 28, 1982	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : - From October 1965 To August 1968: NGUYỄN ĐỀ served for US Government as Manager of the Social welfare and Refugee Section of USAID/CORDS/ICTZ/ QUẢNG NGÃI - US supervisors : same A. Robert W. Reddiquie ; Mr William ; Mr. Hobson.

- August 1968: He had to join into ARVN and became an officer until 1975. Military serial number : 67/207554. Last position, Rank, Unit: Captain, S3-T, chief of the 4th Infantry Regiment 2nd Division in Quảng Ngãi. Col. LÊ BA' XHIẾU and TRU' DÂN LIÊM were the 4th ent commanders - Released from camp: A30 PHU' ON JAN 20, 1981.

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN Đ
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : AUGUST 25 1947
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 55/5A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, QUẬN
 (Dia chi tai Viet-Nam) PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH CITY
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 AND FORCED RESIDENCE 12 MONTHS. If Yes (Neu co): From (Tu): APRIL 3, 1975 To (Den): JAN. 20, 1981
 PLACE OF RE-EDUCATION: 1st BÌNH ĐỊNH, 4th GENERAL CAMPS, 5th GENERAL CAMPS, A30 PHÚ KHÁNH
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): SMALL MERCHANT (CIGARETTES and CANDIES) ON THE FOOT-PATH
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NONE
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): NONE
 Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): _____
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 55/5A PHAN TÂY HỒ
PHƯỜNG 7, QUẬN PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH CITY
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
CHIM VAN LE HOUSTON TX 77091
BROTHER IN LAW
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai-VN): BROTHER IN LAW
 NAME & SIGNATURE: CHIM VAN LE le van chim
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) CHIM VAN LE
HOUSTON TX 77091
 DATE: JULY 20 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

NGUYỄN ĐỀ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LÊ THỊ NGỌC HÃ	FEB 08, 1947	WIFE
NGUYỄN LÊ NAM PHƯƠNG	JULY 17, 1973	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ QUỐC ĐẠT	AUGUST 10, 1974	SON
NGUYỄN LÊ TRÔNG NGHĨA	JAN. 10, 1976	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	NOV. 10, 1981	DAUGHTER
NGUYỄN LÊ QUỐC THỊNH	SEPT. 28, 1982	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : - From October 1965 TO August 1968: NGUYỄN ĐỀ served for US Government as Manager of the Social Welfare and Relief Section of USAID/CORDS/ICTZ/QUẢNG NGÃI.

US Supervisors: James A. May, Robert W. Reddick, Mr. William, Mr. Hobbs.

- August 11th 1968: He had to join into ARVN and became an officer until 1975. Military serial number: 67/207554.

- Last position, Rank, Unit: Captain, S3-TOC chief of the 4th Infantry Regiment 2nd Division in Quảng Ngãi. Col. LÊ BA KHIEU and TRẦN DĂNG LIÊM were the 4th Regiment Commanders.

- Released from camp: AZO PHÚ KHANH camp on JAN. 29, 1981.

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số : 320 /XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi : Bà Lê Thị Ngọc Hà

Hiện ở : 55, 5^A Phan Tây Hồ, P7, Phú Nhuận, TP: HCM.

1/ Chúng tôi đồng ý cho bà cùng 06 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu : chúng tôi đã cấp 05 hộ chiếu cho gia đình, số :

12171

12179

12181

12183

12185

9000, gửi kèm theo)

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số HQ7 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiền xúc phòng vấn và xét phê duyệt.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để bà yên tâm ./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 /1990

TRƯỞNG PHÒNG XNC

1 Nam

Ghi chú: Hiện nay phía Mỹ đang phỏng vấn danh sách HQ7.

Nguyễn Hoài Nam

Số: ...
CHỖ ...

Xuất ...

Năm 18 ...

... tháng 7



Siapa may 12, 90

Mrs Thước Minh Thơ

Families of Vietnamese political prisoners Association
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205.0635. USA.

Thính thư chị !

Tôi và cùng cùng đang sống báo tin cho chị và Hồ biết là gia đình tôi đã được phía Việt nam chấp thuận cho đi Mỹ theo diện tư chính tại. Tôi và gia đình đã ở hộ chiến. Tôi đã gửi các ảnh photos hộ chiến cho em và tôi là Lê Văn Chấn ở 945 W. Little York Houston TX 77091 để báo trực vào hồ sơ ở Hồ, đồng thời kính nhờ chị cho gia đình tôi được ghi tên vào danh sách tư chính tại được lý nạn ở Hoa Kỳ. Hay tôi mạo muội viết thư này, trước hết, tôi và gia đình và cùng cảm ơn chị và Hồ đã từng và gửi Intake form để em tôi làm hồ sơ cho tôi, và tôi đã nộp vào hồ sơ phía Việt nam. Hay tôi kính xin chị và Hồ cho tôi xin số IV thuộc diện tư chính tại để tôi tuân phải tuân theo Hoa Kỳ khi chúng tôi đi được đi được nhập vào Hoa Kỳ. Năm rồi, 1989 tôi đã gửi đầy đủ giấy tờ chứng minh quá trình phục vụ của tôi cho phía phía Hoa Kỳ và chính phủ Việt nam cũng đã nhận và trả hồ sơ vào hồ sơ ở Hồ, chắc chị và Hồ đã nhận được. Hay tôi xin mạo muội gửi kèm theo đây để chị và Hồ để việc giúp đỡ cho tôi :

- pre - 1975 : - October 1965 - to August 1968 : as manager of the Section of the Social welfare and Refugee of the USAID/CORDS/ICTZ/Vietnam.

- August 1968 to April 1975 : Officer of RVNAF. Last position and rank : Captain, Chief of S3-TOC of the 4th Infantry Regiment, 2nd Division, Military number : 67/207554.

- post - 1975 : Spent in camp :

April 3, 1975 through January 29, 1981.

The following are Exit permits of mine :

My wife : Lê Thị Ngọc Hồ's exit permits # 12177.

Nguyễn Lê and two children # 12179.

Nguyễn Lê Nam Phương # 12181.

Nguyễn Lê Quốc Đạt # 12183.

Nguyễn Lê Trọng Nghĩa # 12185.

Vậy kính nhờ chị và Hồ giúp đỡ cho gia đình tôi được lý nạn tại Hoa Kỳ. và em tôi là người ^{đang} VN cấp hộ chiến cho tôi. Xin chào chị và Hồ. Luôn mãi.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 12787-90 DC

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên NGUYỄN LÊ NAM PHƯƠNG
Nom et prénoms

Ngày sinh 1973
Date de naissance

Nơi sinh Quảng Nam Đà Nẵng
Lieu de naissar

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Phuong

Nguyễn Lê Nam Phương

BI CHU - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 12184-XU

Công dân Chị Nguyễn Lê Nam Phương

Chức vụ / trẻ em

Đến từ HỢP CHỮNG QUỐC HỮU

Chức vụ khác Tân Sứ Nhật

Tên họ 15-9-1990

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trưởng phòng
-9-

Hộ chiếu này có giá trị đi đến

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 15.3.1995

Il expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 3 năm 1990.

Fait à

le
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

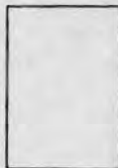
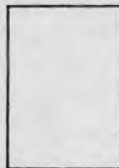


Trưởng phòng

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N: *1179/90*

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên NGUYỄN ĐẾ
Nom et prénom

Ngày sinh 1977
Date de naissance

Nơi sinh Quảng Ngãi
Lieu de naissance

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalement Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hồ sơ
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Nguyễn Đế
-36-

Hồ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NIỀM

A TOUT PASSE

và hết hạn ngày 15/1/1995
Il expire le

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 1 năm 1996

Fait à

Trưởng phòng

Tôn Văn

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU,
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénom</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1. Nguyễn Lê Phương Thảo	1981
2. Nguyễn Lê Quốc Thảo	1981
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -

BỊ CHỮ - NOTES

THỰC THỰC VISAS

THỰC THỰC XUẤT CÁNH

ĐỀ 11179 M

Ông Nguyễn Đức

Chức vụ

HỘI CHỮ QUỐC HƯƠNG

Chức vụ Tân Sinh nhất

Ngày cấp 15.9.1990

Hà Nội, ngày 15.9.1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP

Trưởng phòng



Trần Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N: 12125/30 DC,

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên NGUYỄN LÊ TRỌNG NGHĨA
Nom et prénom

Ngày sinh 1976
Date de naissance

Nơi sinh Tp. Hồ Chí Minh
Lieu de naissance

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Nguyễn Lê Trọng Nghĩa

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Le passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
À TOUS PAYS

à l'étranger le 15.3.1995

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 3 năm 1995

Fait à HANOI le 15.3.1995

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP NHẬP

Trưởng phòng

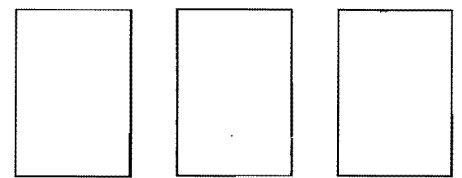


Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BÌ CHỮ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

QUÊ 42185-XC

CĐ, họ Chị Nguyễn Lê Trọng Nghĩa

Quê ở trở em

ĐƠN HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Quê ở Tân Sơn Nhất

Tên 15-9-1990

Họ 15-9-1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trưởng phòng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
Nº *12.182/90* *Đ.*

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên NGUYỄN LÊ QUỐC ĐẠT
Nom et prénoms

Ngày sinh 1974
Date de naissance

Nơi sinh Tp. Hồ Chí Minh
Lieu de naissance

Chở ở Tp. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalament

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Đạt
Nguyễn Lê Quốc Đạt

Hộ chiếu này có giá trị đi đến

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 15.3.1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

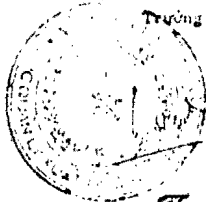
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 3 năm 1990

Phát ở

le
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP QUỐC

Trưởng phòng

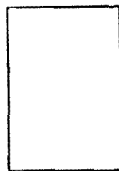
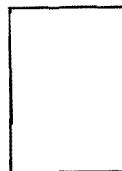


Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénom</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỦ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Hồ sơ 11183 - AC

Cấp cho anh Nguyễn Văn Quốc Đạt

Cấp cho anh em

Đi TRUP CHUNG QUỐC HOA KỲ

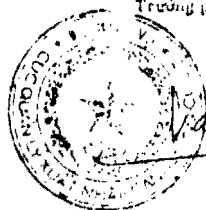
Cấp cho anh em Tân Sơn Nhất

Thời hạn 15.9.1990

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Nguyễn Văn Quốc Đạt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N: 12177/90 DC

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên LÊ THỊ NGỌC HÀ
Nom et prénom

Ngày sinh 1941
Date de naissance

Nơi sinh Bình Định
Lieu de naissance

Chở ở Tp. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hồ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Lê Thị Ngọc Hà
Lê Thị Ngọc Hà

Hộ chiếu này có giá trị đi đến

Ce passeport est valable pour se rendre

TẠI CÁC NƯỚC

À TOUT PAYS

và hết hạn ngày 15 tháng 3 năm 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại ^{Yên} ngày 15 tháng 3 năm 1990

Fait à

le QUẢN LÝ VIỆT NAM

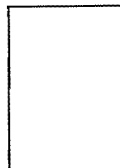
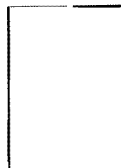
Trưởng phòng

Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỦ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 11177-XC

Cơ sở Bà Lê Thị Ngọc Hà

Quê quán Đà Nẵng

Đang đi HỢP CHÚNG QUỐC

Cơ sở Tân Sơn Nhất

Ngày 15.9.1990

Họ Nguyễn Văn 15.9.1990

CỤC QUẢN LÝ VIẤT N

Trưởng phòng



Trần Văn

Fernex Voltaire, le 05-10-1988.

Chưa Có,

Tôi chuyển đơn của Nguyễn-Dề, về tôi, đến nhờ
Có giúp đỡ.

Anh em sĩ quan từ cải-tạo lên VN., ca tụng và
chuyên miêng nói đến lòng Nhân-Dao ưu ái của Có, đối
với tù-bình Việt-Nam.

Tôi cũng đã gọi đơn xin đi Mỹ của người về tôi, đến
Cố quan ở Thái Lan và Mỹ nhiều lần, nhưng không biết sự
việc nó đi đến đâu, mà không thấy nói nào trả lời cả.

Vậy, một lần nữa, kính xin Có vui lòng cứu xét và
giúp đỡ, và nhờ Có, cho tôi vài chữ để làm tin, rằng:
Có đã nhận được đơn này.

Thành thật Cảm ơn Có.

Kính chúc Có nhiều sức-khỏe, nhiều may-mắn, hầu
giúp-đỡ nhiều anh em tù-bình VN. đang mong đợi -
Kính chúc Gia-đình Có mạnh-khỏe và bình-an -

Nay Kính,

Lê Trường.

Saigon ngày 21 tháng 9 năm 1988

Kính gửi: chị Khúc Minh Thoa, chủ tịch hội
Tù-bình V.N. PO Box 5435. ARLINGTON - VA -
22205 - 0635 - USA.

Kính thưa chị, trước hết tôi thành thật xin chị tha
thứ cho sự dốt nát của tôi.

Sau đây tôi xin trình bày và kính nhờ chị giúp đỡ.

Tôi tên NGUYỄN ĐẾ, sinh ngày 25-8-1942-
tại Quảng Ngãi - nay thường trú tại 55/5A Phan Tây Hồ,
phường 7, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh. Tôi là sĩ
quan chế độ cũ, cấp bậc: Đại úy, chức vụ: Trưởng ban
Trung đoàn 4 ĐVTĐ 2 Bộ Binh - Tôi bị bắt tập trung
cải tạo từ ngày 3-4-1975 đến ngày 29-01-1981 mới
được về với gia đình và bị quản chế 12 tháng.

Thật thật với chị, sau những năm tháng trong trại
cải tạo về với gia đình, mọi vấn đề đều bị xáo trộn, bẽ
la ăn và đói khát, nên đến năm 1982 tôi mới gửi hồ sơ
(mẫu questionnaire for persons in VN) đến Bangkok theo
chương trình ra đi cá biệt tại.

Sau một thời gian chờ đợi quá lâu, tôi không thấy
Bangkok trả lời gì cả, đến năm 1986 tôi lại liên tiếp
nhiều lần gửi hồ sơ đến Bangkok để xin IV hay LOI.
Nhưng đến nay tôi cũng không được trả lời và tôi cũng
không biết hồ sơ của tôi được giải quyết thế nào?

Kính thưa chị, chị có những gia đình, những người có
thân nhân là tù binh, bị giam cầm trong các trại cải tạo
cải tạo một thời gian dài năm năm hay nhiều hơn

nữa, thì mới hiểu được nỗi thống khổ, nỗi đau
lòng của họ, của con em, chồng, cha họ. Thế nào?
Cho nên, tôi viết, chỉ là một trong những giờ đình đó,
chị đã hiểu được nỗi lo âu dằng dặt, sự mệt mỏi đau
lòng vì ở khung hoàng tinh thân thiện trong cuộc những
người cần tị binh chính tại Việt nam - Cho nên tôi mạo
mũi viết thư này kèm theo ít giấy tờ gửi đến chị,
kính xin chị vui lòng bỏ ít thư gửi sang mẹ của chị
để giúp đỡ cho tôi và gia đình tôi, trong khả năng mà
chị có thể làm được, Đón được liên danh sách
INS và cho tôi xin LOI để tình trạng hợp pháp
cảnh ở Việt nam.

Tôi không biết dùng ngôn từ nào để diễn tả hết
được lòng biết ơn sâu xa của gia đình tôi đối với chị.
Tôi thật sự kính chào chị và biểu quyết được vạn
vạn an lành, khỏe mạnh để giúp đỡ cho những gia
đình tị binh chúng tôi đang mong mỏi chờ đợi từng
giờ từng phút. Ở quê nhà tôi được rồi khỏe rồi
mày để được định cư tại Mỹ quốc -

Kính chào trang trọng

Địa chỉ liên lạc:

Cha vợ tôi là: ông Lê Trường

Foyer Albert Schweitzer - chambre 140 -

chemin de Colvrex - 01210 Ferney Voltaire -

France.

Mẹ vợ tôi là Lê Văn Chín:

- Houston, TX.

77034-USA cũng đã làm Affidavit cho gia đình tôi. USCC # 56372
nhưng em tôi không rảnh việc nên không xin được LOI cho tôi -

Questionnaire for Ex-political prisoner in Vietnam.

I. Basic information of application in Vietnam.

- Full name of Ex-political prisoner: **NGUYỄN ĐỆ**
- Other name : none
- Date and place of Birth : 25 August 1947, Quang-ngai.
- position, Rank (before 4/75) Captain, chief of TOC - S2 of the 4th infantry Regiment 2nd Division - MSN: 67/207554.
- Month, date, year arrested: April 3rd, 1975.
- Month, date, year out camp: January 29th, 1981.
- Month, date, year and No. of release certificate: 63/GRT-29-1-81
- present mailing address of Ex-political prisoner: 55/5A phan tày Hồ, phường 7, Phú Nhuận, Hồ-chi-Minh city.
- present residing address: 55/5A phan tày Hồ, phường 7, Phú Nhuận, Hồ-chi-Minh city.

II. List full name, date of birth and place of birth of Ex-political Prisoner immediate:

- Full name of Ex-political prisoner: **NGUYỄN ĐỆ**
- Date and place of birth of family: 25 August 1947 at Quang-ngai, central Viet-nam.

A. Relatives to accompany with Ex-political prisoner to be considered for United States country:

name in Full	birth date	birth place	sex	Age	Relation	address
Lê Thị Ngọc Hà	8-02-47	Bình Định	F	M	Wife	55/5A phan
Nguyễn Lê nam phương	17-7-73	Đã nẩy	F	S	child	tày Hồ, phường 7
Nguyễn Lê Quốc Đạt	10-8-74	Sài gòn	M	S	"	phú nhuận.
Nguyễn Lê Trọng Nghĩa	10-01-76	"	F	S	"	"
Nguyễn Lê phương Thảo	10-11-81	"	F	S	"	"
Nguyễn Lê Quốc Thịnh	28-3-82	"	M	S	"	"

- B. Complete family listing (living/dead) of Ex-political prisoner:
- Father: **NGUYỄN MINH** - dead.
 - Mother: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG** - dead.
 - Spouse and children as above mentioned II/A.

III - Relatives outside Viet nam.

- Close relatives in the US: Lê Văn Chín, my wife's brother: Houston TX. 77034.
- Relatives in other foreign countries: my wife's father: Lê Trùng: Foyer Albert Schweitzer, chambre 140 - chemin de Colares - 01210 Ferney Voltaire - France.

IV - Oversea training paid by US government: none

V - USA awards and Decorations: none

VI - Have you submitted the application of family until now?

Having trust on the ODP, I sent my record to Bangkok to beg for help in 1982 - after a long wait, I once again sent my record to Bangkok office one June 1986. But up to now I do not know how my record is solved - or they had not reached their destination and maybe they had been kept in some corner.

VII - Comment / Remarks:

Before I joined in the Army on August 11th 1968, I served for American government as an official officer of the Social Welfare and the Refugee Section, USAID/CORDS in Quang Ngai province from October 1965 to August 1968. When I joined in the Army and I became an officer of the ARVN, I was entrusted with various important position and closely worked with the 11th American Brigade.

So, by this present application, once more I eagerly hope that you will examine my case in such a way that my family could leave Vietnam for United States in concordance with the humanitarian target prescribed by the ODP and also in accordance with the regulations made by the government of the SRVN. I would like to have LOI or IV.

VIII please list here all document attached to this questionnaire

- release certificate - n^o 63/GPT dated 29-01-1981.
- payroll Identification of USAID/CORDS/ICT2/Vietnam n^o 0024
- Reception of post office that I sent my record to Bangkok.

In the meantime, I beg to remain - Dear Sir -
Yours very gratefully
Phu Nguyen B.

Số: 63 /GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22.8.1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29.12.1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên nguy quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Tại cải tạo Đ.30 Ty Công An Phú Khánh quản lý.

— Căn cứ quyết định số: 25/KCB/ĐP ngày 22-1-1981
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1— Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: Nguyễn Đức — Bị bắt 1 02 1
12 tháng 10 năm 1975
— Họ tên thường gọi: Tên thật
— Sinh ngày 1947 tháng 1 năm 1947
— Sinh quán: Quảng Ngãi
— Trú quán: Thị trấn, Thị trấn, Diên Khánh, Quảng Ngãi
— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Khmer
— Tôn giáo: — — Đảng phái: —
+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Đại úy - Trưởng ban 3.

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 3-4-1975

— Nay về cư trú tại: 40/2 Đường 1, Thị trấn, Diên Khánh, tp. Hà Tiên, Kiên Giang

2— Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 12 tháng.

Lấn tay ngón trỏ phải

Danh bản số: —

Lập tại: —

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Đức

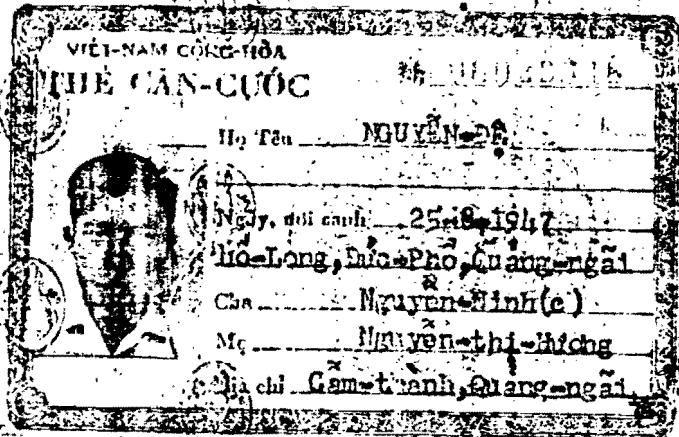
Phù Khánh, ngày 29 tháng 1 năm 1981
BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Nguyễn Đức

CA. Phuong Phu nhua.
 Xac nhan Anh Nguyen De Tong diem tai
 dia phuong ngay 02-02-1981:

Ngày 02-02-1981
 pho co: *[Signature]*

Lê Đoàn Trung



chém sẹo cách 3 dưới. 60
 và sau khoe ngoài mắt phải. 18

Quang-ngai 16-12-1970
 TUN. TRUONG-TY CANH-SAT Q.GIA
 PHO TRUONG-TY

ĐOÀN-CUY-HÌNH



- ① I. NGUYỄN ĐỀ, USAID/COADS in Quang ngai province as manager.
- ② Mr Hobson, my superior, Advisor of the Welfare and Refugee Service.
- ③ Mr Tôn thất Quýng, chief of the Regaf Refugee Service - Quang ngai.
- ④ Mr phan thanh Xuy : USAID personel as driver.

PAYROLL IDENTIFICATION

USAID/CORDS/ICTZ/VIETNAM



GOOD ONLY
FOR PAYROLL
IDENTIFICATION

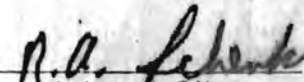
No : 0034

Full name: NGUYỄN ĐÊ


Employee Signature

25 September 1967

Date Issued


Authorizing Officer

Cao	Nặng	Tóc	Mắt	Ngày Sinh
th60	50kg	Black	Brown	25-8-1947



Ngón tay trái



Ngón tay phải

DẤU LẤN TAY

Lời Dặn

Chính người có tên ghi trên giấy này đúng với hình tích kẻ trên mới được phép sử dụng giấy căn cước này cấp Đại-Sứ Quán Hoa-Kỳ cấp phát. Bất cứ người nào khác mạo dụng giấy này là bất hợp pháp và sẽ bị nghiêm trị. Giấy căn cước này là tài sản của Chính-Phủ Mỹ và phải hoàn lại khi thôi việc và trước khi được trả tiền lương và phụ cấp cuối cùng.

Trong trường hợp giấy này bị thất lạc, ai nhặt được xin vui lòng đem nộp cho Trụ sở Cơ-Quan Hoa-Kỳ gần nhất.



CỘNG HÒA VIỆT NAM

Administration des Postes

du Việt Nam

BƯU CHÍNH

31-01-86

Bureau des Postes

HANOI

70000

GIẤY BẢO

Avis de (2)

Nhận
RéceptionTrả tiền
Payement

- (3) Địa chỉ: NGUYỄN ĐỀ
 Adresse: 5575A Phan Tây Hồ, Phường 7
 ở (d) Phú Nhuận nước (Pays) Hồ Chí Minh City

- (1) Nếu giấy bảo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
 và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »,
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (*Biffer ce qui ne convient pas*).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy bảo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

(1)



Ba

(29 và 30)

C. 5

Nhật ấn Bưu cục
 hoàn giấy bảo
*Timbre du bureau
 renvoyant Paris*



Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le Bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)

Envoi recommandé

ký gửi tại Bureau cục

déposé au bureau de poste de

ngày

le

địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

81-07

19

19

số

sous le n°

The Director of the ODP, Bangkok
Building 127 Sathorn Tri Road
Bangkok Thailand

Ghi ở Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

le

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên

Bureau cục nhận

Signature de l'agent
du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận

Timbre du bureau
destinataire

BÍ CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».

Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

9/9/82

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Quận (Huyện) phước nhơn
Phường (Xã) 7

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : _____

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

Ủy ban nhân dân phường 7
Chứng nhận ông NGUYỄN Đ
Sinh ngày 25-8-1947 tại Quảng Ngãi
Căn cước số 012042385 cấp tại phước nhơn ngày 25-8-1985
Nghề nghiệp Sĩ quan cải tạo về hiện ngụ tại 5575A phân táy Hồ
phước 7, phước nhơn
Có trình diện tại Phường:
Bà Cô Thị Ngọc Hà là vợ sinh ngày 8-02-1947
Tại Bình Định do giấy hôn thú số 06
Cấp tại phước long ngày 7 tháng 5 năm 1972
và những đứa trẻ có tên sau đây:

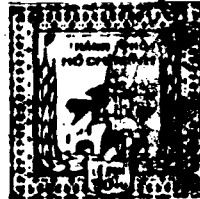
- 1) Ngô Lê Nam Phương sinh năm 1973 tại Đà Nẵng
- 2) Ngô Lê Quốc Đạt sinh năm 1974 tại Saigon
- 3) Ngô Lê Trọng Nghĩa sinh năm 1976 tại Saigon
- 4) Ngô Lê Phương Thảo sinh năm 1981 tại Saigon
- 5) Ngô Lê Quốc Thịnh sinh năm 1982 tại Saigon
- 6) _____ sinh năm _____ tại _____
- 7) _____ sinh năm _____ tại _____
- 8) _____ sinh năm _____ tại _____
- 9) _____ sinh năm _____ tại _____
- 10) _____ sinh năm _____ tại _____

Là vợ con đương sự do tờ khai gia đình hôn thú khai sinh xuất trình hiện nay còn sống chung với đương sự.

Chứng chỉ này được cấp phát để tiện dụng và chấp chiếu. bổ túc hồ sơ

Ngày 08 tháng 7 năm 1986

PHƯỜNG Đ
WA



Nguyễn Văn

Đã ký và đóng dấu

Lieutenant
APO 4076

From

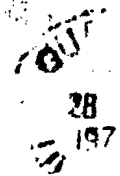
Tung ng Ng Xe
Khe 1974



to. Lê-thi - Ngọc - Hoa
4/2 ấp Đông - xã Phú Nhuận
Gia - Định

FROM:

Captain Dai ng Ng Xe
APO 4076 Khe 1974



To. Bà Nguyễn - Huệ
4/2 ấp Đông - xã Phú Nhuận
Gia - Định

VIA AIR MAIL PAR AVION

Longwell Khe Khe Phung 7 Khu 11/10 TP. HCM.



Gởi đến: NGUYỄN - ĐỀ

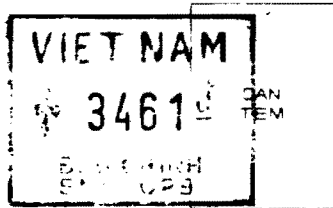
(Đội 25 Rau) Hầm Thủ 188 Tuy Ho

Hầm Thủ 188 Tuy Ho

là của Trại cải tạo A30 - Đ. 25 rau & đội
trồng rau -

in Re-education camp.

PAR AVION



MAY BAY
PAR AVION

Người nhận: MR LÊ TRƯỜNG

Foyer Albert Schweitzer - chambre 40 -
Chemin de Colomes 01210 - Ferreyrolles
FRANCE



1983

NĂM QUỐC TẾ
THÔNG TIN LIÊN LẠC



-140



Người gửi: Nguyễn Đức
Sĩ sĩ Phạm Tây Hồ - phường 7,
Phước Nhuận - HCM.

Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh

Số: 13 /GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22.8.1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29.12.1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên nguy quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Đã cải tạo ở Trung tâm cải tạo quản lý.

— Căn cứ quyết định số: 25/KB/KP ngày 22.1.1981
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1— Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: Nguyễn Đệ

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1947

— Sinh quán: Quảng Ngãi

— Trú quán: Thị trấn, Thôn Thuận, Diên Phước, Quảng Ngãi

— Quốc tịch: Việt nam — Dân tộc: Khmer

— Tôn giáo: _____ — Đảng phái: _____

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Đại úy - Trưởng ban 3

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 3-4-1975

— Nay về cư trú tại: 40/2 Trưng B. Thôn Thuận, tp Hồ Chí Minh

2— Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 12 tháng.

Lăn tay ngón trỏ phải

Danh bản số: _____

Lập tại: _____

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Đệ

Phủ Khánh, ngày 24 tháng 1 năm 1980

BAN GIÁM THỊ

Giám thị trưởng



CHỖ DÁN DẤU

(PLEASE PRINT OR TYPE IN ENGLISH ONLY)

SECTION 1: INFORMATION ABOUT YOU

SECTION 2: INFORMATION ABOUT YOUR RELATIVES IN THE UNITED STATES

Your name: NGUYỄN ĐỀ

Other names you have used: NGUYỄN ĐỀ

Sex: Male ☒ Female ☐ Date of month/day/year Country of Birth: 8/25/1947 QUANG NGAI

Home Address: 55/5A PHAN TAY HO PHUONG 7 PHU NHUAN HO CHI MINH
 Number Street Hamlet Village/Ward District Province/City

Are you married? Yes ☒ No ☐

Your Exit Permit number is: NOT YET

Name of your closest relative in the U.S.: LÊ VĂN CHỈM

Other names used: LÊ VĂN CHỈM

Date of month/day/year Country of Birth: 4/10/1960 BINH DINH

The U. S. Address: HOUSTON TEXAS 77089
 Number Street City State Zip Code

The relationship to you is: YOUNG BROTHER OF MY WIFE

The U.S. telephone number (if known) is: -

When did your closest relative leave Viet Nam? 5 /month - /day 1979 /year

SECTION 3: INFORMATION ABOUT RELATIVES YOU WANT TO GO WITH YOU TO THE UNITED STATES

List all relatives you want to go with you to the U.S.

NAME	Sex (circle one)	Date of Birth mo/da/yr	Country of Birth	Relationship to you	Married? (circle one)	Exit Permit Number	Address
<u>LÊ THỊ NGỌC - HA</u>	<u>M / (F)</u>	<u>02/08/47</u>	<u>Binh Dinh</u>	<u>WIFE</u>	<u>(Yes) No</u>	<u># NOT YET</u>	<u>55/5A Phan Tay Ho, Phuong 7, Phu Nhuon, Ho Chi Minh</u>
<u>NGUYỄN LÊ NAM PHƯƠNG</u>	<u>M / (F)</u>	<u>7/17/73</u>	<u>Da Nang</u>	<u>YOUNG CHILD</u>	<u>Yes / (NO)</u>	<u># NOT YET</u>	<u>55/5A Phan Tay Ho, Phuong 7, Phu Nhuon, Ho Chi Minh</u>
<u>NGUYỄN LÊ QUỐC ĐẠT</u>	<u>(M) / F</u>	<u>8/10/74</u>	<u>Saigon</u>	<u>CHILD</u>	<u>Yes / (NO)</u>	<u># NOT YET</u>	<u>55/5A Phan Tay Ho, Phuong 7, Phu Nhuon, Ho Chi Minh</u>
<u>NGUYỄN LÊ TRỌNG NGHĨA</u>	<u>M / (F)</u>	<u>01/10/76</u>	<u>Saigon</u>	<u>CHILD</u>	<u>Yes / (NO)</u>	<u># NOT YET</u>	<u>55/5A Phan Tay Ho, Phuong 7, Phu Nhuon, Ho Chi Minh</u>
<u>NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO</u>	<u>M / (F)</u>	<u>11/10/81</u>	<u>Saigon</u>	<u>CHILD</u>	<u>Yes / (NO)</u>	<u># NOT YET</u>	<u>55/5A Phan Tay Ho, Phuong 7, Phu Nhuon, Ho Chi Minh</u>
<u>NGUYỄN LÊ QUỐC THỊNH</u>	<u>(M) / F</u>	<u>09/28/82</u>	<u>Saigon</u>	<u>CHILD</u>	<u>Yes / (NO)</u>	<u># NOT YET</u>	<u>55/5A PHAN TAY HO, PHUONG 7, PHU NHUAN, HO CHI MINH</u>

SECTION 4: INFORMATION ABOUT YOUR FAMILY

IMPORTANT: List all your relatives, living or dead, including those you put in SECTION 3.

NAME	Sex (circle one)	Date of Birth da/mo/yr	Country of Birth	Married? (circle one)	Address (If deceased, write "Dead")
a. Your Husband/Wife (Living or Dead):					
LÊ THỊ NGỌC HÀ	M / (F)	08/02/47	BÌNH ĐỊNH	(Yes) / No	55/5A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH
b. Your Other Husbands/Wives (Living or Dead):					
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
c. Your Children (Living or Dead):					
NGUYỄN LÊ NAM PHƯƠNG	M / (F)	17/7/73	ĐÀ NẴNG	Yes / (NO)	55/5A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH
	M / F	/ /		Yes / No	
NGUYỄN LÊ QUỐC ĐẠT	(M) / F	10/8/74	SAIGON	Yes / (NO)	55/5A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH
	M / F	/ /		Yes / No	
NGUYỄN LÊ TRỌNG NGHĨA	M / (F)	10/01/76	SAIGON	Yes / (NO)	55/5A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH
	M / F	/ /		Yes / No	
NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	M / (F)	10/11/81	SAIGON	Yes / (NO)	55/5A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH
	M / F	/ /		Yes / No	
NGUYỄN LÊ QUỐC THỊNH	(M) / F	28/9/82	SAIGON	Yes / (NO)	55/5A PHAN TÂY HỒ, PHƯỜNG 7, PHÚ NHUẬN, HỒ CHÍ MINH
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
d. Your Parents (Living or Dead):					
NGUYỄN MINH	(M) / F	/ /		(Yes) / No	DEAD
NGUYỄN THỊ HUƠNG	M / (F)	/ / 1907	QUẢNG NGÃI	(Yes) / No	PHỐ THUẬN VILLAGE ĐỨC PHỐ DISTRICT GIANG HIỂU BÌNH PROVINCE

SECTION 5: EMPLOYMENT WITH THE U.S. GOVERNMENT

IMPORTANT: If you worked for the U.S. government, complete this section. If an accompanying relative worked for the U.S. Government have him complete this section, if possible.

a. For what U. S. Government Agency? USAID/CORDS/ICTZ/VN In what office? SOCIAL WELFARE AND REFUGEE

b. Date of separation? 8 /month 10 /day 1968 /year Reason for separation: REPORT IN THE GENERAL MOBILIZATION IN THE 1968 OF R.V.N

c. Give the dates, places worked, job title or grade and names of supervisors:

Mo/yr to Mo/yr	Place	Title/Grade	Name of Supervisor	Describe the work performed?
<u>10/66</u> <u>12/66</u>	<u>QUANG NGAI MAC-V</u>	<u>TRANSLATOR</u>	<u>JAME A MAY</u>	<u>I WORKED FOR MAC-V OF QUANG NGAI PROVINCE, TO TRANSLATE ALL THE MESSAGES+REPORTS FROM VN.</u>
<u>01/67</u> <u>8/68</u>	<u>QUANG NGAI USAID</u>	<u>MANAGER</u>	<u>JAME A MAY</u> <u>ROBERT W ROSSIGUE</u> <u>MR WILLIAMS</u> <u>MR HOBSON</u>	<u>PERSONNEL MANAGEMENT, TRANSLATOR, INTERPRETOR</u> <u>KEEP THE REFUGEE CAMPS DATA AND SOCIAL DOCUMENTS.</u> <u>MAKE SCHEDULE OF FOODS DISTRIBUTION TO REFUGEE AND</u> <u>POOR MEN + VICTIM OF WAR</u>

d. Give the dates, names, places, and description of any training or schooling provided by the United States Government:

Mo/yr to Mo/yr	Name	Place	Describe the Training or Schooling
<u>/</u> <u>/</u>			
<u>/</u> <u>/</u>			

IMPORTANT: If the job training was outside Viet Nam complete SECTION 8.

e. List any awards and commendations from the U.S. Government: LETTER OF COMMENDATION IN 1967 (WAS LOST BY UNDOING OF APRIL 1975)

f. Was time spent in reeducation? YES ☒ NO ☐ How long? 5 /years 9 /months. Still in reeducation? Yes ☐ No ☒

IMPORTANT: Please send COPIES of personnel documents, I.D. cards, training certificates, letters of commendation, job photographs, letters from supervisors, or any other documents pertaining to employment by the U.S. Government or verifying reeducation. DO NOT SEND ORIGINAL PAPERS - SEND COPIES ONLY!

SECTION 7: GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE BEFORE APRIL 30, 1975

IMPORTANT: If you worked for the Vietnamese government or served in the Vietnamese military complete this section. If an accompanying relative worked for the Vietnamese government or served in the Vietnamese military have him complete this section, if possible.

- a. What ministry or military unit? 4TH INFANTRY REGIMENT 2ND DIVISION IN 1ST CORPS.
- b. Date of separation? 30 /day 3 /month 1975 /year Reason for separation: SURRENDER OF R.V.N. I WAS CAPTURED ON THE WAY OF RETREAT FROM DANANG TO CAMRANH
- c. Give the dates, places worked, job title or rank and name of superior:

Mo/Yr to Mo/Yr	Place	Title/Rank	Name of Superior	Describe the work performed
<u>8/68</u>	<u>3/69</u> <u>ĐÔNG ĐỀ SCHOOL</u>	<u>CADET</u>	<u>COL. DUONG VAN NHUT</u>	<u>TRAINING IN OFFICER SCHOOL</u>
<u>3/69</u>	<u>01/70</u> <u>QUANG NGAI</u>	<u>WARRANT OFFICER</u>	<u>1ST LIEUT. BUI TUNG</u>	<u>I WAS LEADER OF LONG RANGE RECONNAISSANCE PATROL TEAM</u>
<u>01/70</u>	<u>01/73</u> <u>QUANG AI -> QUANG TRI</u>	<u>PERSONNEL OF S3</u>	<u>CAPT. TO VAN CAN</u>	<u>SECOND LIEUTENANT, OPERATION AND AIR OFFICER OF 4TH REGIMENT</u>
<u>01/73</u>	<u>10/74</u> <u>QUANG AI -> QUANG NAM</u>	<u>ASSISTANT OFFICER OF S3</u>	<u>CAPT. TO VAN CAN</u>	<u>LIEUTENANT, ASSISTANT OFFICER AIR OFFICER OF 4TH REGIMENT</u>
<u>10/74</u>	<u>4/75</u> <u>QUANG AI -> QUANG TIN</u>	<u>S3 CHIEF OF 4TH REGIMENT</u>	<u>LE BA KHIU. COL. TRUONG DANG LIEM</u>	<u>CAPTAIN, CHIEF OF S3 OF 4TH REGIMENT, IN CHARGE OF THE OPERATION + TRAINING + FESTIVAL JOBS OF REGIMENT (FROM 69 TO 74: COL. LE BA KHIU WAS COMMANDER)</u>

d. List any awards, commendations or medals from the U.S. Government:

e. Was time spent in reeducation? YES ☒ NO ☐ How long? 5 /years 9 /months. Still in reeducation? Yes ☐ No ☒

f. Any training in the U.S.? YES ☐ (Complete SECTION 8 Also) NO ☒

g. Was work done closely with Americans? YES ☒ (Give Dates, Names of Places Worked, Location and Describe the Job Relationship to the American)

Mo/Yr to Mo/Yr	Name	Place	Describe the Job Relationship to the American
<u>3/69</u>	<u>01/70</u>	<u>DRAGON</u>	<u>QUANG NGAI MOUNTAIN. IN THIS TIME I WAS LEADER OF THE LONG RANGE RECONNAISSANCE PATROL (LRRP) PLATOON. I HAD DONE CLOSELY WITH AMERICAN AS THE LRRP TEAM OF 11TH AMERICAN BRIGADE THAT HAD BEEN LOCATED AT ĐỨC PHỐ BRONCO IN QUANG NGAI PROVINCE. MY LRRP TEAM AND TEAM OF 11TH BRIGADE WERE USUALLY OPERATED IN MANY LOCATIONS IN MOUNTAIN ZONE OF QUANG NGAI. I DON'T REMEMBER</u>

IMPORTANT: Please send COPIES of personnel documents, I.D. cards, training certificates, letters of commendation, job photographs, letters from supervisors, or any other documents pertaining to employment by the Vietnamese government, service in the Vietnamese military, showing the work relationship to Americans or verifying reeducation. DO NOT SEND ORIGINAL PAPERS - SEND COPIES ONLY!

SECTION 9: COMMENTS AND REMARKS

AFTER LESS THAN 2 YEARS I WORKED FOR ^{THE} US GOVERNMENT AND LESS THAN 7 YEARS OF MILITARY SERVICE IN ARMY OF SOUTH VIETNAM. THEN ON MARCH 1975 I, MY 4TH REGIMENT HAD BEEN OPERATED IN QUANG TIN BATTLE, I WAS WOUNDED BY VC ROCKETS AND I HAD BEEN LAIN IN DUY TAN HOPITAL AT DANANG. WHEN IST CORPS RETREATED TO SAIGON HOPITAL HAD MOVED TOO. I WAS CAPTURED AS A WAR PRISONER ON APRIL 3, 1975 ON THE WAY OF RETREAT FROM DANANG TO CAM RANH. I WAS CONCENTRATED AND REEDUCATED IN MANY DIFFERENT CAMPS. I WAS AT LAST RELEASED ON JANUARY 23, 1981. (AS CERTIFICATE OF RELEASE ENCLOSE HEREWITH) NOW I AND MY FAMILY WOULD LIKE TO GO TO USA AS POLITICAL REFUGEE. WOULD YOU PLEASE HELP ME. AND PLEASE GIVE ME YOUR REPLY AS SOON AS POSSIBLE.

ALL PERSONNEL DOCUMENTS WERE LOST ON THE WAY OF RETREAT. NOW I HAVE ONLY THE FOLLOWING PAPERS ENCLOSE HEREWITH: - CERTIFICATE OF RELEASE

- PAYROLL IDENTIFICATION NO 0034 OF USAID/CORDS/ICTZ/VN
- I-D CARD OF R.V.N.

I TELL AGAIN: 3/69 TO 01/70 I WAS PLATOON LEADER OF LONG RANGE RECONNAISSANCE PATROL, OF 4TH REGIMENT THAT HAD BEEN LOCATED AT DRAGON BASE AT MA DUOC DISTRICT QUANG NGAI PROVINCE. 01/70 TO 01/73 I WAS ~~OF~~ PERSONNEL OF S3 OF 4TH REGIMENT THAT LOCATED AT BRONCO.

01/73 TO 10/74 I WAS ASSISTANT OFFICER OF S3. AND 10/74 TO 4/75 I WAS THE CHIEF OF S3 OF 4TH REGIMENT THAT LOCATED AT BRONCO, DUC PHO DISTRICT, BUT MY REGIMENT HAD BEEN OPERATED IN ZONE FROM QUANG NGAI TO QUANG TRI PROVINCE. COL LE BA KHIEU + TRUONG DANG LIEM WERE COMMANDER.

SECTION 10: CERTIFICATION

I affirm that all the information on this questionnaire is true and understand that any false statement could prevent me from going to the United States.

October 10, 1982
Date

Signature of Applicant

NGUYEN DE.